

Bản án số: 155/2024/KDTM-PT

Ngày: 18/6/2024

“Về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Bà Mai Thị Thanh Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thúy Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc: “tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 191/2023/KDTM-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2366/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6622/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư N;

Địa chỉ: Số 61/1, Đường số H3, khu phố N, phường HB, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Văn V là người đại diện theo pháp luật.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng M;

Địa chỉ: Số 127 đường ND, phường BT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Văn K, sinh năm 1984 và ông Nguyễn Thế L, sinh năm 1988 (giấy ủy quyền số 925/2023 ngày 25 tháng 9 năm 2023)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Xây dựng C;

Địa chỉ: 191 HL, Phường H, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình Đ (Giấy ủy quyền số 232/GUQ-HCNS ngày 15/8/2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2022, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2023 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ngày 20 tháng 12 năm 2019, Công ty Cổ phần Xây dựng C (viết tắt Công ty C) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng M (viết tắt Công ty M) ký hợp đồng xây dựng số: 60/HĐ-XD để Công ty C giao cho Công ty M thi công các hạng mục nhánh N5, N6, đường gom trái tuyến, đường ngang Km0+00 đến mỏ M1, tứ nón mỏ M1, tuyến chính từ km 50+440-Km51+050 (cuối tuyến), hệ thống thoát nước (cống tròn, cống hộp phạm vi tuyến giao khoán), thuộc gói thầu XL-04 dự án, đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận (giai đoạn 1) theo hình thức hợp đồng BOT.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019, Công ty M và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại N (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư N), (viết tắt Công ty N) ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 20/HĐ-XD để Công ty N thi công các hạng mục công việc theo bảng tổng hợp giá trị khối lượng ký hợp đồng đính kèm, thuộc gói thầu XL-04 xây dựng nút giao Thân Cừ Nghĩa (Km49+620,000 – Km51+051,287) thuộc dự án, đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận (giai đoạn 1) theo hình thức hợp đồng BOT; thời gian thi công là 24 tháng, giá trị hợp đồng tạm tính là 40.999.484.991 đồng, căn cứ tiến độ thi công Công ty N lập và Công ty M duyệt thì Công ty N được tạm ứng 80% giá trị kế hoạch thi công trong tháng, giá trị thanh toán Công ty N là giá trị khối lượng thi công hoàn thành tại công trường được chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán cho Công ty M. Công ty M được thanh toán 95% giá trị khối lượng thi công được nghiệm thu, tạm giữ 3% để bảo hành và 2% chờ kiểm toán, quyết toán; thời hạn bảo hành là 42 tháng; thời hạn thanh toán trong vòng 07 ngày, kể từ ngày Công ty M nhận được tiền thanh toán của chủ đầu tư. Ngoài ra các bên còn thỏa thuận các điều khoản khác trong hợp đồng. Đến tháng 12 năm 2020, Công ty M và Công ty N ký phụ lục hợp đồng số 01-20/HĐ-KD điều chỉnh, bổ sung một số điều của hợp đồng thi công xây dựng công trình số 20/HĐ-XD ngày 20 tháng 12 năm 2019 điều chỉnh giảm khối lượng thi công và đơn giá ký hợp đồng tạm tính là 4.174.832.960 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ giá trị khối lượng thi công là 4.174.832.960 đồng nhưng Công ty M chỉ nghiệm thu khối lượng hoàn thành là 4.155.810.462 đồng theo bảng xác nhận giá trị khối lượng thanh toán đợt 01. Công ty N đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000112 ngày 06 tháng 3 năm 2020 (số tiền 500.000.000 đồng) và số 0000014 ngày 12 tháng 6 năm 2021 (số tiền 3.655.810.462 đồng) và sau khi căn trừ các khoản tạm giữ là 3.696.907.139 đồng thì số tiền thi công còn lại là

458.903.323 đồng Công ty M vẫn không thanh toán (theo bảng đối chiếu công nợ và đề nghị thanh toán năm 2020), (bao gồm: 251.112.800 đồng là số tiền thanh toán 95% giá trị khối lượng nghiệm thu bị đơn chưa thanh toán; 207.790.523 đồng là khoản tiền chờ kiểm toán, quyết toán 2% khối lượng đã thực hiện là 83.116.209 đồng ($4.155.810.462 \text{ đồng} \times 2\%$); khoản tiền bảo hành 3% khối lượng đã thực hiện là 124.674.314 đồng ($4.155.810.462 \text{ đồng} \times 3\%$). Ngày 14 tháng 12 năm 2021, Công ty N yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền 251.112.800 đồng nhưng Công ty M không thanh toán. Hiện công trình cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận đã hoàn thành, đưa vào sử dụng từ ngày 30 tháng 4 năm 2022. Hội đồng kiểm tra Nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng có văn bản chấp thuận về công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng theo thông tin đăng tải của báo Đại Đoàn Kết, báo Sài Gòn Giải Phóng.

Ngoài yêu cầu Công ty N việc trả khoản tiền thi công còn nợ thì Công ty M còn phải thanh toán khoản tiền chờ kiểm toán, quyết toán 2% khối lượng tương đương số tiền 83.116.209 đồng và khoản tiền bảo hành 3% khối lượng đã thực hiện là 124.674.414 đồng do công trình được nghiệm thu và phân thi công của Công ty N không thuộc hạng mục phải đáp ứng điều kiện bảo hành.

Do khoản tiền bảo hành 3% của hợp đồng có giá trị là 40.999.484.991 đồng, nhưng Công ty N chỉ thi công xong 1 phần chuẩn bị mặt bằng là đào móng, đắp đất, san lấp, trải cát,... nên giá trị giảm xuống còn 4.155.810.462 đồng (bằng 1/10 của hợp đồng) nên không thuộc các hạng mục thi công, xây dựng, lắp đặt phải bảo hành thì các bên đã chấm dứt hợp đồng. Do đó, không thể áp dụng thời gian bảo hành công trình 42 tháng đối với khoản tiền 3% khối lượng nghiệm thu tại mục 13.2 Điều 13 hợp đồng để giữ lại khoản tiền này mà phải thanh toán cho Công ty M. Đối với khoản tiền giữ lại 2% của hợp đồng thì từ ngày 30 tháng 4 năm 2022, công trình được Hội đồng kiểm tra Nhà nước nghiệm thu, đưa vào sử dụng nên Công ty M phải thanh toán giá trị tạm giữ chờ quyết toán, tương đương 2% khối lượng nghiệm thu, từ ngày 30 tháng 4 năm 2022 theo thỏa thuận tại mục 6.3 Điều 6 của hợp đồng đã ký.

Công ty N đã cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán nhưng Công ty M không thanh toán. Ngày 14 tháng 12 năm 2021, Công ty N có văn bản yêu cầu Công ty M thanh toán khoản tiền nợ nhưng không trả nên tiền lãi chậm trả tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 cho đến thanh toán xong khoản tiền nợ thi công, theo lãi suất trung bình trên thị trường (tạm tính lãi suất quá hạn 12%/năm theo thông tin của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Đề bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp Công ty N khởi kiện buộc Công ty M:

- Thanh toán cho Công ty N khoản tiền nợ thi công chưa thanh toán 458.903.323 đồng, [(bao gồm 95% giá trị công trình đã nghiệm thu chưa thanh toán 251.112.800 đồng; khoản tiền chờ kiểm toán, quyết toán 2% giá trị công trình là 83.116.209 đồng ($4.155.810.462 \text{ đồng} \times 2\%$); khoản tiền bảo hành 3% giá trị công trình là 124.674.314 đồng ($4.155.810.462 \text{ đồng} \times 3\%$))].

- Thanh toán cho Công ty N tiền lãi chậm trả số tiền thi công chưa thanh toán theo lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường, tạm tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 cho số tiền nợ thi công chưa thanh toán và từ ngày 30 tháng 4 năm 2022 đối với khoản tiền chờ kiểm toán, quyết toán và tiền bảo hành công trình cho đến ngày 15 tháng 11 năm 2022 (ngày khởi kiện), số tiền 41.168.870 đồng, $[(251.112.800 \text{ đồng} \times 12\% \times 334/365 \text{ ngày}) + (83.116.209 \text{ đồng} + 124.674.314 \text{ đồng}) \times 12\%/năm \times 199/365 \text{ ngày}]$.

Đến ngày 27 tháng 7 năm 2023, Công ty N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc Công ty M thanh toán khoản tiền nợ thi công chưa thanh toán 251.112.800 đồng. Các yêu cầu khởi kiện còn lại Công ty N giữ nguyên, cụ thể:

- Buộc Công ty M thanh toán tiền lãi chậm trả số tiền thi công còn nợ 251.112.800 đồng, tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày đã thanh toán xong ngày 09 tháng 02 năm 2023 là 34.756.763 đồng, $(251.112.800 \text{ đồng} \times 12\% \times 421/365 \text{ ngày})$;

- Buộc Công ty M thanh toán khoản tiền chờ kiểm toán, quyết toán 2% giá trị công trình là 83.116.209 đồng; thanh toán tiền lãi chậm trả số tiền 83.116.209 đồng, tạm tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2022 đến ngày 27 tháng 7 năm 2023 (ngày lập bản tự khai) là 12.378.622 đồng, $(83.116.209 \text{ đồng} \times 12\% \times 453/365 \text{ ngày})$;

- Buộc Công ty M thanh toán khoản tiền bảo hành 3% giá trị công trình là 124.674.314 đồng, thanh toán tiền lãi chậm trả số tiền 124.674.314 đồng, tạm tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2022 đến ngày 27 tháng 7 năm 2023 (ngày lập bản tự khai) là 18.567.933 đồng $(124.674.314 \text{ đồng} \times 12\% \times 453/365 \text{ ngày})$.

Công ty N xin rút lại yêu cầu khởi kiện buộc Công ty M thanh toán khoản tiền thi công còn nợ là 251.112.800 đồng. Giữ nguyên yêu cầu buộc Công ty M thanh toán tiền lãi chậm trả của số tiền 251.112.800 đồng, tạm tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 (ngày thanh toán) là 28.963.970 đồng (mức lãi áp dụng 10%/năm); buộc Công ty M thanh toán khoản tiền chờ kiểm toán, quyết toán 2% giá trị công trình là 83.116.209 đồng và tiền lãi chậm thanh toán, tạm tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2022 (ngày đưa công trình vào sử dụng) đến ngày 18 tháng 9 năm 2023 là 11.522.411 đồng (mức lãi áp dụng 10%/năm); buộc Công ty M thanh toán khoản tiền bảo hành 3% giá trị công trình là 124.674.314 đồng và tiền lãi chậm thanh toán, tạm tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2022 đến ngày 18 tháng 9 năm 2023 là 17.283.617 đồng (mức lãi áp dụng 10%/năm).

* Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng M, có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về yêu cầu khởi kiện của Công ty N, Công ty M có ý kiến:

Đối với khoản nợ thi công chưa thanh toán đạt 95% giá trị công trình và tiền lãi chậm thanh toán. Theo mục a điểm 6.3.3 khoản 6.3 Điều 6 hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 20/HĐ-XD ngày 20 tháng 12 năm 2019, các bên

thỏa thuận: "... Sau khi Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu, Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được tiền thanh toán của Chủ đầu tư". Do đó, nghĩa vụ thanh toán phát sinh khi Công ty N thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về hồ sơ thanh toán và Công ty M nhận được tiền thanh toán của chủ đầu tư thông qua tổng thầu là Công ty C, nhưng Công ty N chưa cung cấp đầy đủ các hồ sơ thanh toán theo thỏa thuận, bao gồm: Hồ sơ hoàn công tương ứng khối lượng thanh toán theo từng đợt nghiệm thu của chủ đầu tư; bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán của Công ty M; văn bản đề nghị thanh toán của Công ty N phải nêu rõ nội dung về giá trị khối lượng hoàn thành, giá trị giảm trừ tạm ứng, giá trị giảm trừ Công ty M giữ lại, giá trị đề nghị thanh toán sau khi trừ các khoản này; hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp, có mệnh giá bằng giá trị nghiệm thu hoàn thành tương ứng. Trường hợp Công ty N xuất nhiều hơn 01 hóa đơn thì tổng mệnh giá các hóa đơn phải bằng giá trị nghiệm thu hoàn thành; hồ sơ gồm 4 bộ, riêng hóa đơn giá trị gia tăng chỉ cần 01 bản chính. Tuy nhiên, đến nay Công ty M vẫn chưa nhận đủ hồ sơ thành toán mà Công ty M cung cấp. Do đó, nghĩa vụ thanh toán số tiền thi công 95% giá trị công trình thi công tương đương số tiền 251.112.800 đồng là chưa phát sinh. Tuy nhiên, trên tinh thần thiện chí Công ty M đã thanh toán cho Công ty N số tiền 251.112.800 đồng theo phiếu báo nợ ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam nên số tiền lãi chậm thanh toán số tiền 251.112.800 đồng Công ty N đòi là không có căn cứ.

Đối với khoản tiền chờ quyết toán, kiểm toán 2% công trình và tiền lãi chậm thanh toán, theo mục c điểm 6.3.3 khoản 6.3 Điều 6 hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 20/HĐ-XD ngày 20 tháng 12 năm 2019, các bên thỏa thuận: "Sau khi có kết quả kiểm toán của cơ quan chức năng và được Chủ đầu tư xác định giá trị cuối cùng thì bên A sẽ thanh toán giá trị tạm giữ chờ quyết toán còn lại cho bên B". Thực tế, Chủ đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận (Công ty Cổ phần BOT TL) chưa được cơ quan thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm toán, quyết toán xác định giá cuối cùng các hạng mục xây dựng, đầu mục công việc nên việc thanh toán khoản tiền tương đương 2% giá trị khối lượng công việc thực hiện cho Công ty N là chưa phát sinh. Do đó, không có căn cứ để thanh toán khoản tiền này cho Công ty N.

Đối với khoản tiền 3% bảo hành công trình và tiền lãi chậm thanh toán, theo mục e điểm 6.3.3 khoản 6.3 Điều 6 hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 20/HĐ-XD ngày 20 tháng 12 năm 2019, các bên thỏa thuận: "Sau khi cấp thẩm quyền chấp thuận là bên A đã hết trách nhiệm bảo hành công trình và Chủ đầu tư hoàn trả giá trị bảo hành cho bên A thì bên A thanh toán cho bên B 3% bảo hành công trình nêu trên". Đồng thời, theo điểm a khoản 13.2 Điều 13 của hợp đồng thi công xây dựng công trình là 42 tháng kể từ ngày hoàn thành và nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. Do đó, căn cứ công việc Công ty N thực hiện trên thực tế thì đến nay Công ty N chưa thực hiện việc đầy đủ các quy định về công tác nghiệm thu về chất lượng sản phẩm, nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng (theo Điều 3 của hợp đồng) nên công trình chưa được nghiệm thu nên khoản thanh toán 3% giá trị khối lượng công việc là chưa

phát sinh. Do đó, Công ty N yêu cầu thanh toán khoản tiền bảo hành và tiền lãi chậm trả là không có căn cứ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Xây dựng C, có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty N yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền giữ lại khoản tiền chờ bảo hành và 2% chờ quyết toán, kiểm toán). Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận (giai đoạn 1) theo hình thức hợp đồng BOT được bàn giao đưa vào sử dụng vào tháng 6 năm 2022, theo điều kiện quy định chung của dự án, thời gian bảo hành 42 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng. Vụ việc tranh chấp xảy ra tại gói thầu XL-04, được nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 15 tháng 6 năm 2022, khoản tiền 3% giữ lại chờ bảo hành thì sau khi đơn vị thi công phát hành chứng thư bảo lãnh tại ngân hàng có giá trị tương ứng với 3% giá trị nghiệm thu hoàn thành trong thời gian 42 tháng; khoản tiền 2% giữ lại chờ quyết toán, kiểm toán là sau khi chủ đầu tư hoàn thành quyết toán dự án với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì khoản tiền giữ lại sẽ được chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu, trên cơ sở đó Nhà thầu mới thanh toán cho các đơn vị liên quan.

Tuy nhiên, Công ty C là nhà thầu chính đang thực hiện công tác hoàn công, quyết toán với chủ đầu tư và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tỉnh Tiền Giang. Tiến độ thực hiện công tác quyết toán dự kiến đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoàn thành. Công ty C đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ về tài chính đối với Công ty M. Riêng khoản tiền chờ kiểm toán, quyết toán, bảo hành công trình Công ty C giữ lại, hiện nay vẫn đang chờ công tác hoàn công quyết toán để xác định chính xác giá trị thực hiện sau cùng làm cơ sở thực hiện thanh toán theo đúng quy định của hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa ngày 30 tháng 8 năm 2023, đại diện Công ty C có ý kiến: Do công trình đang chờ công tác hoàn công, quyết toán của cơ quan có thẩm quyền để có cơ sở thanh toán. Do đó, khi nào Công ty C nhận được tiền thanh toán từ chủ đầu tư thì Công ty C sẽ thanh toán cho Công ty M theo hợp đồng đã ký. Công ty N yêu cầu Công ty M thanh toán khoản tiền chờ kiểm toán, quyết toán và khoản tiền bảo hành nhưng Công ty M chưa nhận được tiền thanh toán từ chủ đầu tư nên không có tiền để thanh toán cho Công ty N.

Phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư N buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư N tiền lãi chậm thanh toán số tiền thi công còn nợ 251.112.800đ (hai trăm năm mươi một triệu, một trăm mười hai nghìn, tám trăm đồng), tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 09 tháng 02 năm 2023 là 28.963.970đ (hai mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, chín trăm bảy mươi đồng) theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 20/HĐ-XD ngày 20 tháng 12 năm 2019 và phụ lục hợp đồng số 01-20/HĐ-KD tháng 12 năm 2020.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư N buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư N khoản tiền chờ kiểm toán, quyết toán 2% giá trị công trình là 83.116.209đ (tám mươi ba triệu, một trăm mười sáu nghìn, hai trăm lẻ chín đồng) và tiền lãi chậm thanh toán, tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2022 đến ngày 18 tháng 9 năm 2023 là 11.522.411đ (mười một triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm mười một đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư N buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư N khoản tiền bảo hành 3% giá trị công trình là 124.674.314đ (một trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm mười bốn đồng) và tiền lãi chậm thanh toán, tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2022 đến ngày 18 tháng 9 năm 2023 là 17.283.617đ (mười bảy triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm mười bảy đồng).

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư N buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng M thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư N số tiền thi công còn nợ 251.112.800đ (hai trăm năm mươi một triệu, một trăm mười hai nghìn, tám trăm đồng) theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 20/HĐ-XD ngày 20 tháng 12 năm 2019 và phụ lục hợp đồng số 01-20/HĐ-KD tháng 12 năm 2020.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên buộc bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 251.112.800 đồng là 28.963.970 đồng.

- Nguyên đơn: vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: vắng mặt

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, giữ

nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 191/2023/KDTM-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên tòa, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản tiền còn nợ từ hợp đồng thi công xây dựng số 20/HĐ-XD ngày 20/12/2019. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại phường BT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thời hạn kháng cáo:*

Người đại diện hợp pháp của bị đơn có mặt tại phiên tòa ngày 18/9/2023, đơn kháng cáo của bị đơn gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm ngày 02/10/2023 là còn trong thời hạn luật định, kháng cáo của bị đơn là hợp lệ nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Ngày 20 tháng 12 năm 2019, Công ty C và Công ty M ký hợp đồng xây dựng số 60/HĐ-XD để Công ty C giao cho Công ty M thi công các hạng mục nhánh N5, N6, đường gom trái tuyến, đường ngang Km0+00 đến mố M1, tứ nón mố M1, tuyến chính từ km 50+440-Km51+050 (cuối tuyến), hệ thống thoát nước (cống tròn, cống hộp phạm vi tuyến giao khoán), thuộc gói thầu XL-04 dự án, đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận (giai đoạn 1) theo hình thức hợp đồng BOT. Để thực hiện hợp đồng trên, ngày 20 tháng 12 năm 2019, Công ty M và Công ty N ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 20/HĐ-XD và phụ lục hợp đồng số 01-20/HĐ-KD ngày 20 tháng 12 năm 2020 để Công ty N thi công các hạng mục thuộc gói thầu XL-04 xây dựng nút giao Thân Cừu Nghĩa (Km49+620,000 – Km51+051,287) thuộc dự án, đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận (giai đoạn 1) theo hình thức hợp đồng BOT, thời gian thi công là 24 tháng, giá trị hợp đồng tạm tính là 40.999.484.991 đồng, giá trị nghiệm thu khối lượng thi công hoàn thành là 4.155.810.462 đồng (đã bao gồm giá trị gia tăng) theo phụ lục hợp đồng số 01-20/HĐ-KD ngày 20 tháng 12 năm 2020.

Hợp đồng thi công, phụ lục hợp đồng ký giữa Công ty N và Công ty M là tự nguyện, có hình thức và nội dung đúng quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3.2] Tại phiên tòa sơ thẩm Công ty M và Công ty N xác nhận số tiền thi công đến 95% là 251.112.800 đồng, tại bảng đối chiếu công nợ và thanh toán năm 2020, Công ty M thừa nhận còn nợ Công ty N số tiền 251.112.800 đồng.

[3.3] Công ty M trình bày bảng đối chiếu công nợ và thanh toán không làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán của Công ty M, mà Công ty N muốn được thanh toán phải cung cấp đủ hồ sơ giấy tờ theo thỏa thuận tại Mục a điểm 6.3.3 khoản 6.3 Điều 6 hợp đồng thi công xây dựng công trình số 20/HĐ-XD ngày 20 tháng 12 năm 2019, các bên thỏa thuận: “... Sau khi Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu, Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được tiền thanh toán của Chủ đầu tư”. Tuy nhiên trên tinh thần hợp tác nên M đã thanh toán trước cho N số tiền 251.112.800 đồng vào ngày 09 tháng 02 năm 2023.

Trình bày này của M không có cơ sở, bởi lẽ trong suốt quá trình tổ tụng tại cấp sơ thẩm, M không có yêu cầu nào đối với N về việc cung cấp hồ sơ thanh toán. Tại phiên tòa phúc thẩm M khẳng định thời điểm xác nhận công nợ thì công việc thi công của N theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã hoàn tất, bảng đối chiếu công nợ thể hiện rõ số nợ còn lại mà M phải thanh toán cho N là 251.112.800 đồng.

[3.4] M cung cấp bản sao ủy nhiệm chi thể hiện C thanh toán cho M số tiền 436.208.954 đồng vào ngày 17/01/2023 và cho rằng nghĩa vụ thanh toán của M là sau 7 ngày kể từ ngày 17/01/2023 khi có đủ hồ sơ thanh toán.

Xét, tại phiên tòa sơ thẩm Công ty C trình bày, Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận (giai đoạn 1) theo hình thức hợp đồng BOT được bàn giao đưa vào sử dụng vào tháng 6 năm 2022, khoản tiền 3% giữ lại chờ bảo hành thì sau khi đơn vị thi công phát hành chứng thư bảo lãnh tại ngân hàng có giá trị tương ứng với 3% giá trị nghiệm thu hoàn thành trong thời gian 42 tháng; khoản tiền 2% giữ lại chờ quyết toán, kiểm toán là sau khi chủ đầu tư hoàn thành quyết toán dự án với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì khoản tiền giữ lại sẽ được chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu, trên cơ sở đó Nhà thầu mới thanh toán cho các đơn vị liên quan.

Như vậy, khoản tiền C giữ lại chưa thanh toán cho các bên liên quan là khoản tiền 5% giá trị nghiệm thu hoàn thành và chờ quyết toán, kiểm toán, không phải khoản thanh toán đến 95% giá trị thi công, khoản tiền 95% giá trị thi công đã được C thanh toán. Hơn nữa, ủy nhiệm chi ngày 17/01/2023 không thể hiện C thanh toán cho M là khoản nào, giai đoạn nào nên không có căn cứ cho rằng ngày 17/01/2023 Công ty C mới thanh toán cho M.

[3.5] Ngày 14 tháng 12 năm 2021 N yêu cầu M thanh toán số tiền nợ còn lại của hợp đồng thi công trong thời hạn 07 ngày, M thanh toán cho N vào ngày 09/02/2023 là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có trách nhiệm trả tiền lãi chậm thanh toán. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N buộc M thanh toán tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 251.112.800 đồng là 28.963.970 đồng là có cơ sở nên kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 191/2023/KDTM-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng M. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 191/2023/KDTM-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng M phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0044483 ngày 29/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng M đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận M;
- Cục THADS TP.HCM
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Phúc Hảo

